

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2025/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Ngô Hoàng N**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp Đ, xã L, tỉnh An Giang)

(Anh N có mặt)

Bị đơn: Chị **Trương Trúc M**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp Đ, xã L, tỉnh An Giang).

(Chị M vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Ngô Hoàng N trình bày: Vào năm 2013 anh và chị Trương Trúc M cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 11/3/2014.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thời gian đến năm 2024 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay.

Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị Trương Trúc M nữa nên quyết định ly hôn với chị Trương Trúc M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị Trương Trúc M có 01 con chung Ngô Tấn L, sinh ngày 24/8/2014 hiện nay con đang sống cùng chung chị M.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, anh Ngô Hoàng N yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với chị Trương Trúc M

- *Về con chung:* Đồng ý giao con chung tên Ngô Tấn L, sinh ngày 24/8/2014 cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Trương Trúc M: Đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị M đều vắng mặt.

Tại phiên tòa anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị M. Chị M vắng mặt phiên tòa lần 2 không lý do.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Ngô Hoàng N khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn chị Trương Trúc M có địa chỉ Ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp Đ, xã L, tỉnh An Giang). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang đã triệu tập họp lệ chị M tham gia phiên tòa nhưng chị M vẫn tiếp tục vắng mặt lần 2

không lý do và tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị M là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh N và chị M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2024 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, theo anh N nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống, vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị M không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện chị không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay chị M vắng mặt lần 2 không lý do. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị M đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N, xử cho anh N được ly hôn chị M là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Anh N xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh có 01 người con chung tên Ngô Tấn L, sinh ngày 24/8/2014. HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng anh N và chị M sống ly thân với nhau đến nay cháu L do chị M chăm sóc nuôi dưỡng và anh N cũng đồng ý giao cháu L cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đồng thời cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu L nên cần tiếp tục giao cháu L cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có gửi văn bản ý kiến để Tòa án xem xét đồng thời tại phiên tòa anh N cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị M đúng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt và không có văn bản ý kiến nên Tòa án không tiến hành hòa giải, đối chất về tài sản chung giữa anh N và chị M được. Hơn nữa anh N xác nhận vợ chồng anh không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX

không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Anh N cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Ngô Hoàng N và chị Trương Trúc M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Tấn L, sinh ngày 24/8/2014 cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (Phù hợp theo nguyện vọng của con). Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngô Hoàng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0013288 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- An Giang); anh N không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 5- An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã/TT
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Cẩm Nhung

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Kiên Giang;

TÒA

- VKSND huyện Giồng Riềng;

- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Lữ Cẩm Nhung